Họ tên	Bộ phận	1	2	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16	19	20	21	22	23	26	27	28	29	30	Tổng
VI VĂN KHƯƠNG	BGĐ				8.45		4.27		9.57	8.93	4.03		3.93	9.12		8.8	0.35						5.38	**6.59**
BAN GIÁM ĐỐC Coun	1																							
KHA THỊ HẢI	DƯỢC	5.33	8.17		8.22	8.35	8.3	8.2	8.72	8.4	8.08	8.08	8.2	7.98	8.07	7.98	8	7.77	8.6	8.47	8.28	8.4	8.4	**17.87**
KHOA DƯỢC Count	1																							
HOÀNG VĂN TRUNG	TCHC	4.3				3.67	6.08	8.95	8.83	8.9	8.9	5.35	8.75			4.17	8.4	8.52	8.55	8.62	8.45	4.33		**12.09**
PHÙNG DUY ĐỨC	TCHC	5.58	5.58			7.98		5.53		8.68		8.23		5.75				4.37		8.05	8.42	5.33		**7.75**
KHA VĂN HÀ	TCHC	5.33	8.3	8.92	5.72	3.87		3.75		5.9			5.58	8.53										**5.88**
VI VĂN THÌN	TCHC	5.87	7.85	8.93	2.65	3.68	8.32	3.5	5.87	4.83	5.68	3.7	8.25	4.82		8.53	8.5	6.6	8.25	3.03	0.67	8.65		**12.46**
LÔ VĂN TUẤN	TCHC			8		3.02			8.15	7.32	7.95		7.48	8.15	7.73	2.78	7.78		7.57	7.67	7.62	8.17	7.78	**11.29**
LƯƠNG VĂN AI	TCHC	5.58	8.85	3.25	8.58	3.92	7.78	1.88	8.03	8.57	2.98	7.08	1.6						8.93	3.25	8.43	7.72	8.38	**11.03**
LỮ VĂN TÒA	TCHC	6.02		3.87	8.55	9.07	5.93	8.42	8.93	8.6	8.28	7.33		5.82	8.93	9.33	6.12		8.27		8.67	7.92		**13.67**
TỔ CHỨC HÀNH CHÍN	7																							
HÀ NGỌC ANH	KSBT	5.43	8.47	3.73	8.48	8.52	8.77	8.65	8.95	8.08	7.78	7.97	8.82	4.08	7.62	4.58	8.58	3.95	8.15	8.52	8.43	8.72	4.25	**16.9**
VỪ BÁ TỐNG	KSBT				8.95	9.58	3.73		9.28	9.27	5.6	8.77	5.75			8.57	5.62	8.38	8.93	8.7	8.83		9.17	**12.53**
CỤT VĂN PHON	KSBT			4.98		4.23							4.67	8.55	8.38	8.68	8.4	8.05	5.78	8.67	9.65		7.72	**9.65**
VI VĂN KHOA	KSBT			7.87	7.57				8.45	7.62	7.97	7.23	7.7	7.93	7.83	8.02	7.52	7.52	7.52		8.02	8.27	8.13	**13.17**
PHẠM ĐỨC HÒA	KSBT																							**0**
NGUYỄN VĂN TUẤN	KSBT	5.6	7.33	8.72	8.5	8.87	8.82		9.02	8.43	3.35		8.3	8.4		8.32	8.3	8.2						**11.58**
GIÀ BÁ SÔ	KSBT	5.63	8.33	7.62	4.33				8.88	8.63	8.98	8.52	4.18						8.57	8.53	8.73	8.92	8.75	**11.45**
KHOA KSBT- HIV/AI	7																							
NGUYỄN VĂN HIẾU	ATTP	5.53	8.17	8.33	8.6	8.4		8.38	8.87	8.93	8.73	8.85	8.78	8.75	8.72	8.82	8.07		8.67	8.4	8.78	8.52	8.3	**17.73**
VI THỊ NGÂN	ATTP																							**0**
LÔ XUÂN QUANG	ATTP	5.53	8.95	8.32	8.25	8.95	7.55	8.53	8.48	8.25	8.47	9.03	8.7	8.88	8.85	8.72	8.4	2.9			8.37	8.68	8.08	**16.97**
LÊ CÔNG CHÂU	ATTP																							**0**

MOONG THỊ NHÂN	ATTP	5.55	8.27	8.35	8.23	8.48	8.48	8.52	8.75	8.43	8.48	8.33	8.27	8.15	8.17	8.33	8.42	8.08		8.43	8.48	8.38	4	**17.75**
VI THỊ MY LA	ATTP			8.67	8.43	8.73	8.4	5.45	8.7	8.5	8.65	8.67	8.6	8.73	8.92	8.85	8.58	8.48	8.42	8.85	8.75	8.95	8.62	**17.88**
VÕ VĂN HÙNG	ATTP	6.02	5.5						8.22	8.35	4.07				3.15	3.02	7.88	3.98	3.35	2.98	8.02	7.93		**7.62**
LÔ THỊ HẰNG	ATTP	5.82	4.18	8.3	4.55			3.33	8.93	4.55				8.4	8.37	8.73			8.48	8.4	4.82			**9.13**
KHOA ATTP - YTCC&D	8																							
MÙA XIA LỮ	DÂN SỐ	4.23	4.38	8.52	4.57		8.9	8.18	5.87	8.58		8.33	8.22	8.68	8.55	8.87		8.05	4.4		8.67	8.7	8.62	**14.14**
TRẦN THỊ KHÁNH	DÂN SỐ			8.57	4.55		3.37	4	9.03	4.55		3.22	4.6	8.67	8.48	8.97	4.82		8.58	8.9	7.72		8.95	**11.24**
TRẦN THỊ TUYẾT	DÂN SỐ	5.27	8.18	8.28	4.03	3.13	8.5							8.22	8.15	8.38	1.85		8.22	8.35	4.57			**8.93**
PHÒNG DÂN SỐ Cour	3																							